|  |  |
| --- | --- |
| BỘ MÔN: **ĐỊA LÍ**  KHỐI LỚP: **12**  TUẦN: **05,07** /HK1 (từ 04/10 🡪09/10 và từ 11/10 🡪16/10/2021) |  |

**TRƯỜNG THPT PHÚ NHUẬN**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**CHỦ ĐỀ 2. ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI (tiết 1,2)**

**I. NHIỆM VỤ TỰ HỌC, NGUỒN TÀI LIỆU CẦN THAM KHẢO:**

1. Nội dung 1. **ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA ĐỊA HÌNH**

- Học sinh đọc mục 1. Đặc điểm chung của địa hình trang 29 sách giáo khoa.

- Học sinh kết hợp với xem hình 6. Địa hình trang 31 sách giáo khoa.

- Học sinh kết hợp đọc Atlat địa lí Việt Nam trang 6,7,13,14.

2. Nội dung 2. **CÁC KHU VỰC ĐỊA HÌNH**

- Học sinh đọc mục 2.a) Khu vực đồi núi trang 30, 32 sách giáo khoa.

- Học sinh kết hợp với xem hình 6. Địa hình trang 31 sách giáo khoa.

- Học sinh kết hợp đọc Atlat địa lí Việt Nam trang 6,7,13,14.

3. Nội dung 3. **BÀI 13. THỰC HÀNH: ĐỌC BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH, ĐIỀN VÀO LƯỢC ĐỒ TRỐNG MỘT SỐ DÃY NÚI VÀ ĐỈNH NÚI**

- Học sinh làm bài tập 1 trang 56 sách giáo khoa: xác định vị trí của các dãy núi, đỉnh núi và dòng sông trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.

- Học sinh kết hợp đọc Atlat địa lí Việt Nam trang 6,7,13,14.

\* Tham khảo thêm clip bài giảng*: https://www.youtube.com/watch?v=1JVqRScQGEY*

**II. KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ:**

**1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA ĐỊA HÌNH**

**a) Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp**

- Đồi núi chiếm 3/4 lãnh thổ lãnh thổ, đồng bằng chỉ chiếm ¼ diện tích lãnh thổ.

- Địa hình đồng bằng và núi thấp (dưới 1000m) chiếm 85% diện tích. Địa hình núi cao (trên 2000m) chỉ chiếm 1% diện tích.

**b) Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng**

- Địa hình được vận động Tân kiến tạo làm trẻ lại, có sự phân bậc theo độ cao, thấp dần từ tây bắc xuống đông nam và đa dạng.

- Cấu trúc địa hình gồm 2 hướng chính: hướng tây bắc – đông nam và hướng vòng cung.

**c) Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa**

- Xâm thực mạnh ở miền đồi núi.

- Bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu sông.

**d) Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người**

**2. CÁC KHU VỰC ĐỊA HÌNH**

**a) Khu vực địa hình đồi núi**

***\* Vùng núi Đông Bắc:***

- Giới hạn: phía đông thung lũng sông Hồng, chủ yếu là đồi núi thấp.

- Gồm 4 cánh cung núi lớn chụm lại ở Tam Đảo, mở ra ở phía Bắc và phía đông: sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều.

- Hướng nghiêng địa hình: cao ở Tây Bắc và thấp dần xuống Đông Nam:

+ Những đỉnh núi cao trên 2000 nằm ở thượng nguồn sông Chảy.

+ Các khối núi đá vôi đồ sộ nằm khu vực giáp biên giới Việt - Trung (Hà Giang, Cao Bằng).

+ Vùng đồi núi thấp cao trung bình 500 - 600m ở vùng trung tâm.

***\* Vùng núi Tây Bắc:***

- Giới hạn: nằm giữa sông Hồng và sông Cả.

- Địa hình cao nhất nước ta, với 3 dải địa hình chạy cùng hướng tây bắc – đông nam:

+ Phía đông là dãy núi cao đồ sộ Hoàng Liên Sơn (có đỉnh Phanxipang 3143m).

+ Phía tây là địa hình núi trung bình của các dãy núi chạy dọc biên giới Việt – Lào.

+ Ở giữa là sơn nguyên và cao nguyên đá vôi.

- Xen giữa các dãy núi là các thung lũng sông cùng hướng.

***\* Vùng núi Trường Sơn Bắc:***

- Giới hạn: từ sông Cả tới dãy núi Bạch Mã.

- Các dãy núi song song và so le nhau theo hướng tây bắc – đông nam.

- Trường Sơn Bắc thấp và hẹp ngang, được nâng cao ở hai đầu (phía bắc là vùng núi tây Nghệ An, phía nam là vùng núi tây Thừa Thiên – Huế), thấp trũng ở giữa (vùng núi đá vôi Quảng Bình và vùng núi thấp Quảng Trị).

- Dãy Bạch Mã đâm ngang ra biển là ranh giới với Trường Sơn Nam.

***\* Vùng núi Trường Sơn Nam:***

- Gồm các khối núi và cao nguyên:

+ Phía đông: khối núi Kon Tum và khối núi cực Nam Trung Bộ được nâng cao, đồ sộ với những đỉnh núi cao trên 2000m nghiêng dần về phía đông.

+ Phía tây: các cao nguyên badan, có các bậc độ cao 500 – 800 – 1000m, tương đối bằng phẳng và các bán bình nguyên xen đồi.

🡪 tạo nên sự bất đối xứng giữa hai sườn Đông – Tây của vùng Trường Sơn Nam.

***\* Địa hình bán bình nguyên và đồi trung du***

- Nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng.

- Bán bình nguyên: thể hiện rõ nhất ở Đông Nam Bộ với bậc thềm phù sa cổ cao khoảng 100m và bề mặt phủ badan ở độ cao khoảng 200m.

- Địa hình đồi trung du: dải đồi trung du rộng nhất nằm ở rìa phía bắc và phía tây đồng bằng sông Hồng, thu hẹp ở rìa đồng bằng ven biển miền Trung.

**III. BÀI TẬP:**

**A – PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 1.** Nêu đặc điểm chung của địa hình Việt Nam.

**Câu 2.** Hãy nêu đặc điểm khác nhau về địa hình giữa hai vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc.

**Câu 3.** Địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc và vùng núi Trường Sơn Nam khác nhau như thế nào?

**B – PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1. Giới hạn của vùng núi Trường Sơn Bắc**

A. từ sông Hồng đến sông Cả.

B. từ sông Cả đến dãy Bạch Mã.

C. từ dãy Bạch Mã đến Đông Nam Bộ.

D. từ sông Hồng đến dãy Bạch Mã.

**Câu 2. Đặc điểm giống nhau của địa hình vùng núi Tây Bắc và vùng núi Trường Sơn Bắc là**

A. hướng núi Tây Bắc – Đông Nam.

B. chủ yếu núi trung bình, thấp

C. chủ yếu núi cao

D. hướng núi cánh cung.

**Câu 3. Địa hình bán bình nguyên thể hiện rõ nhất ở**

A. Tây Nguyên.

B. Trung du miền núi Bắc Bộ.

C. Bắc Trung Bộ.

D. Đông Nam Bộ.

**Câu 4. Căn cứ vào Atlat trang 13, cho biết đi từ Đông sang Tây ở vùng núi Đông Bắc lần lượt có các cánh cung là**

A. Đông Triều, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Sông Gâm.

B. Đông Triều, Bắc Sơn, Ngân Sơn, Sông Gâm.

C. Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều.

D. Sông Gâm, Đông Triều, Bắc Sơn, Ngân Sơn.

**Câu 5. Địa hình nước ta có hướng vòng cung phân bố chủ yếu ở vùng núi**

A. Đông Bắc và Trường Sơn Nam.

B. Tây Bắc và Trường Sơn Bắc.

C. Tây Bắc bà Đông Bắc.

D. Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.

**Câu 6. Đặc điểm nào sau đây *không đúng* với đặc điểm chung của địa hình Việt Nam?**

A. Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích, chủ yếu là núi trung bình và núi cao.

B. Hướng núi tây bắc - đông nam và hướng vòng cung chiếm ưu thế.

C. Địa hình Việt Nam rất đa dạng và phân chia thành các khu vực với các đặc trưng khác nhau.

D. Địa hình Việt Nam là địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

**Câu 7. Đặc điểm chung của vùng đồi núi Trường Sơn Bắc là**

A. có các cánh cung lớn mở ra về phía bắc và phía đông.

B. địa hình cao nhất nước ta với các dãy núi lớn, hướng tây bắc - đông nam.

C. gồm các dãy núi song song và so le theo hướng tây bắc - đông nam.

D. gồm các khối núi và các cao nguyên xếp tầng đất đỏ badan.

**Câu 8**. **Đây là hướng nghiêng của địa hình vùng Đông Bắc**

**A**. Tây bắc - đông nam. **B**. Đông bắc - tây nam.

**C**. Bắc - nam. **D**. Tây - đông.

**Câu 9**. **Địa hình núi cao hiểm trở nhất của nước ta tập trung ở vùng núi**

**A**. Trường Sơn Nam. **B**. Tây Bắc.

**C**. Trường Sơn Bắc. **D**. Đông Bắc.

**Câu 10. Nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là**

**A.** có địa hình cao nhất nước ta.

**B**. có 3 mạch núi lớn hướng tây bắc - đông nam.

**C**. địa hình đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

**D**. gồm các dãy núi song song và so le hướng tây bắc - đông nam.

**IV. NỘI DUNG CHUẨN BỊ:**

Học sinh xem trước Chủ đề 2. Đất nước nhiều đồi núi – tiết 3 (Bài 7)

**V. ĐÁP ÁN BÀI TẬP TỰ LUYỆN:**

**A – PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 1.** Nêu đặc điểm chung của địa hình Việt Nam.

***a) Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp***

*- Đồi núi chiếm 3/4 lãnh thổ lãnh thổ, đồng bằng chỉ chiếm ¼ diện tích lãnh thổ.*

*- Địa hình đồng bằng và núi thấp (dưới 1000m) chiếm 85% diện tích. Địa hình núi cao (trên 2000m) chỉ chiếm 1% diện tích.*

***b) Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng***

*- Địa hình được vận động Tân kiến tạo làm trẻ lại, có sự phân bậc theo độ cao, thấp dần từ tây bắc xuống đông nam và đa dạng.*

*- Cấu trúc địa hình gồm 2 hướng chính: hướng tây bắc – đông nam và hướng vòng cung.*

***c) Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa***

*- Xâm thực mạnh ở miền đồi núi.*

*- Bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu sông.*

***d) Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người***

**Câu 2.** Hãy nêu đặc điểm khác nhau về địa hình giữa hai vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Đông Bắc** | **Tây Bắc** |
| Giới hạn | – Tả ngạn sông Hồng | – Giữa sông Hồng và sông Cả |
| Hướng núi | – Vòng cung | – Tây Bắc – Đông Nam |
| Đặc điểm | – Địa hình núi thấp chiếm phần lớn diện tích.  – Có 4 cánh cung lớn chụm đầu ở Tam Đảo, mở ra về phía bắc và phía đông: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều.  + Những đỉnh núi cao trên 2.000m nằm trên vùng Thượng nguồn sông Chảy.  + Các khối núi đá vôi cao đồ sộ nằm ở biên giới Việt – Trung.  + Trung tâm là vùng đổi núi thấp 500 – 600m. | – Có địa hình cao nhất nước ta.  – Có 3 mạch núi lớn:  + Phía đông là dãy Hoàng Liên Sơn.  + Phía tây là địa hình núi trung bình với dãy chạy dọc biên giới Việt – Lào.  + Ở giữa là sơn nguyên và cao nguyên đá vôi. |
| Các sông chính | Sông Cầu, Sông Thương, Sông Lục Nam,… | Sông Đà, Sông Mã, Sông Chu,… |

**Câu 3.** Địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc và vùng núi Trường Sơn Nam khác nhau như thế nào?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Trường Sơn Bắc** | **Trường Sơn Nam** |
| Giới hạn | Sông cả tới dãy Bạch Mã | Từ dãy Bạch Mã đến Đông Nam Bộ |
| Hướng núi | Tây bắc – đông nam | Vòng cung |
| Đặc điểm địa hình | - Các dãy núi song song và so le nhau theo hướng tây bắc – đông nam.  - Trường Sơn Bắc thấp và hẹp ngang, được nâng cao ở hai đầu (phía bắc là vùng núi tây Nghệ An, phía nam là vùng núi tây Thừa Thiên – Huế), thấp trũng ở giữa (vùng núi đá vôi Quảng Bình và vùng núi thấp Quảng Trị).  - Dãy Bạch Mã đâm ngang ra biển là ranh giới với Trường Sơn Nam. | - Gồm các khối núi và cao nguyên:  + Phía đông: khối núi Kon Tum và khối núi cực Nam Trung Bộ được nâng cao, đồ sộ với những đỉnh núi cao trên 2000m nghiêng dần về phía đông.  + Phía tây: các cao nguyên badan, có các bậc độ cao 500 – 800 – 1000m, tương đối bằng phẳng và các bán bình nguyên xen đồi.  🡪 tạo nên sự bất đối xứng giữa hai sườn Đông – Tây của vùng Trường Sơn Nam. |

**B – PHẦN TRẮC NGHIỆM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| B | A | D | B | A | A | C | A | B | C |

**Lưu ý: giáo viên hỗ trợ Cô Lê Thị Hương – SĐT: 0982210703**